

## KHUYẾN KHÍCH SINH VIÊN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC ĐỂ NÂNG CAO TÍNH TÍCH CỰC, CHỦ ĐỘNG VÀ NĂNG LỰC SÁNG TẠO

Vũ Việt Hằng\*  
Tạ Thị Hồng Hạnh\*\*  
Lê Thị Hằng Giang\*\*\*

**T**rong một thế giới biến động và thay đổi không ngừng của thế kỷ 21, tính tích cực, chủ động và năng lực sáng tạo là những phẩm chất đặc biệt quan trọng của lao động có trình độ cao - sản phẩm của hệ thống giáo dục đại học. Một trong những con đường quan trọng để bồi dưỡng những phẩm chất này là đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các trường đại học. Một nghiên cứu thực nghiệm đã cho thấy một số yếu tố như nhận thức về nghiên cứu khoa học, cơ sở vật chất và phương tiện nghiên cứu, giảng dạy, hệ thống quản lý nghiên cứu khoa học trong nhà trường và vai trò của giảng viên có ảnh hưởng tích cực tới hoạt động này. Từ đó một số giải pháp khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các trường đại học đã được đề xuất.

*Từ khóa: nghiên cứu khoa học, trường đại học, Việt Nam, sinh viên, tích cực, chủ động, sáng tạo.*

*In the 21th century ever changing world, active attitude, sense of initiative and creative ability are particularly important qualities of high quality workers – output of the higher education system. One of important ways to cultivate these qualities is to strengthen students research activities in universities. An empiric research has shown that awareness about academic research, research management system in universities and lecturers' role have an positive influence on this activity. From these results a number of motivating student research activities solutions have been proposed.*

*Key Words: Academic research, university, student, active attitude, sense of initiative, creative ability.*

### Đặt vấn đề

Theo báo cáo của diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) về xếp hạng cạnh tranh toàn cầu năm 2008, trong cuộc khảo sát ý kiến các chuyên gia về “vấn đề đang lo ngại nhất”, ba yếu tố được coi là yếu kém nhất của Việt Nam là: lạm phát, cơ sở hạ tầng, và lao động có trình độ. Trong báo cáo năm 2009-2010, mức độ cạnh tranh của yếu tố giáo dục đào

tao của Việt Nam vẫn còn xếp hạng 92/133 nước. Hệ thống giáo dục đại học chính là nơi đào tạo và cung cấp chủ yếu lao động có trình độ cao cho nền kinh tế và bộ máy quản lý nhà nước. Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ, từ năm 1987 đến 2009, số trường đại học, cao đẳng ở Việt Nam đã tăng 3,7 lần; quy mô sinh viên tăng 13 lần, số giảng

\* Tiến sĩ, Phó Trưởng Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Mở, TP.HCM

\*\* Thạc sĩ, Nghiên cứu sinh tại AIT, Thái lan, Giảng viên cơ hữu Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Mở, TP.HCM

\*\*\* Thạc sĩ, Giảng viên cơ hữu Khoa Quản lý công nghiệp, Trường Đại học Bách Khoa, TP.HCM

viên tăng 3 lần, số kỹ sư, cử nhân tốt nghiệp tăng 11 lần. Quy mô đào tạo tăng lên đã đặt ra cho những nhà quản lý giáo dục câu hỏi lớn về chất lượng đào tạo. Trong Báo cáo gửi Chính phủ về sự phát triển của hệ thống giáo dục đại học ngày 29/10/2009, Phó thủ tướng, Bộ trưởng GD&ĐT Nguyễn Thiện Nhân đã thừa nhận “nhìn chung chất lượng đào tạo còn thấp, chưa có chuyển biến trên diện rộng, chưa tạo được sự đồng hướng về lợi ích, sự quan tâm đủ mạnh đến chất lượng giáo dục giữa người học, người dạy, nhà đầu tư cho giáo dục, người sử dụng lao động và xã hội”. Nhìn chung các kỹ sư, cử nhân mới ra trường còn lúng túng trước những vấn đề cuộc sống đặt ra, chưa tự tin đảm nhận tốt công việc chuyên môn, thiếu chủ động trong công việc và ít có khả năng làm việc độc lập. Thực tế cho thấy, nguyên nhân chính là vì đại học Việt nam vẫn bị coi là “trường phổ thông cấp 4”, sinh viên học theo phương pháp thầy giảng- trò ghi, ít được tiếp cận cũng như cập nhật những tri thức hiện đại và phương pháp nghiên cứu khoa học, không được và bồi dưỡng các kỹ năng mềm, vốn rất cần thiết khi bước vào đời.

### **1. Tích cực, chủ động, sáng tạo - những phẩm chất cần có của lao động được đào tạo trong thế kỷ 21**

Trong một thế giới có nhiều biến động và luôn thay đổi do sự phát triển không ngừng của khoa học kỹ thuật, nguồn cung lao động không những phải vững về nghiệp vụ chuyên môn mà còn phải có các phẩm chất tích cực, chủ động, sáng tạo. Theo Bản Tuyên ngôn quốc tế về giáo dục đại học trong thế kỷ 21 được thông qua tại Hội nghị quốc tế về giáo dục do UNESCO tổ chức năm 1998 tại Paris (Pháp), phương pháp đổi mới giáo dục chính

là khuyến khích tư duy phê phán và tư duy sáng tạo mới. “Các định chế giáo dục đại học cần phải giáo dục sinh viên như thế nào để họ thật sự trở thành những người có khả năng phân tích vấn đề một cách có phê phán, có tư duy sáng tạo, có khả năng tư duy độc lập và làm việc theo tinh thần đồng đội trong môi trường đa văn hóa (điều 9, điểm b,c). “Giáo chức đại học cần tập trung giảng dạy cho sinh viên về cách học và cách sáng tạo hơn là chỉ đơn thuần cung cấp kiến thức” (điều 10, điểm a). Trên tinh thần đó, các nước phát triển trên thế giới đều nhấn mạnh “cốt lõi của phương pháp đổi mới giáo dục đại học là khả năng sáng tạo”

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, Việt Nam cũng không thể nằm ngoài dòng chảy của thế giới. Nếu như trước đây, các trường thường chăm chút đào tạo những lớp người khuôn mẫu, ngoan ngoãn và cẩn mẫn làm việc theo những ước lệ và định chế sẵn có, quen được dẫn dắt, bao cấp, làm theo, hơn là độc lập suy nghĩ và tự chịu trách nhiệm, thì hiện nay, xã hội đang mong chờ những sản phẩm khác hẳn từ hệ thống giáo dục đại học. Đó là những con người:

- Ham học hỏi, có năng lực sáng tạo và khả năng giải quyết vấn đề, biết tự tìm kiếm tri thức, chinh phục và chế ngự tri thức.

- Có tinh thần khoa học, tức là khách quan trung thực, biết nghi ngờ, biết đặt lại các vấn đề và phê phán, phản biện, tranh luận... với thái độ khiêm tốn, biết tôn trọng ý kiến người khác, tôn trọng tư tưởng ngược chiều.

- Được trang bị vững về phương pháp (phương pháp học, phương pháp làm, phương pháp nghiên cứu, phương pháp tư duy...), để

từ đó có khả năng tự học, tự nghiên cứu và thực hành ở mọi môi trường và suốt cuộc đời.

■ Có tính chủ động, tích cực, vừa tiếp nhận kỹ năng, kiến thức, vừa xây dựng chính các kiến thức và kỹ năng đó với sự trợ giúp, hướng dẫn của giảng viên, chứ không đón nhận một cách thụ động.

Nhưng phải chăng hiện nay, sự chủ động, tích cực, sáng tạo và tinh thần khoa học lại đang là những phẩm chất thiếu vắng nhất ở sinh viên Việt Nam? Để có được những phẩm chất đó, sinh viên phải được đào tạo trong một không gian học thuật như thế nào?

## **2. Bồi dưỡng tính tích cực, chủ động và năng lực sáng tạo qua nghiên cứu khoa học**

Việc chuyển các tư liệu của cuộc sống thành kết quả, thành sản phẩm sáng tạo cũng là một phương pháp sáng tạo và việc giáo dục, đào tạo để con người sử dụng được phương pháp đó có một ý nghĩa rất quan trọng. Nhiều chuyên gia cho rằng trong các trường đại học, việc giáo dục này thể hiện qua sự thúc đẩy sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học và các cuộc thi học thuật, cũng như khuyến khích sự chủ động, tích cực của sinh viên trong các giờ học.

Thật vậy, theo Wang Jing (Trung Quốc) “một trong những con đường quan trọng để bồi dưỡng năng lực sáng tạo cho sinh viên là kết hợp chặt chẽ giữa việc sinh viên nghiên cứu khoa học dưới sự hướng dẫn của giảng viên với việc sinh viên học tập một cách chủ động” Một tác giả Trung Quốc khác là Fu Guang Yu nói rõ hơn “Nghiên cứu khoa học đối với sinh viên là một mô hình học tập sáng tạo. Sinh viên thông qua nghiên cứu để kiểm nghiệm những kiến thức chuyên ngành

đã được học, được tìm hiểu những thành tựu khoa học mới nhất, được trải nghiệm sự gian khổ cũng như niềm vui thành công trong nghiên cứu. Việc nghiên cứu khoa học không chỉ bồi dưỡng năng lực sáng tạo của sinh viên mà còn bồi dưỡng tinh thần, thái độ, đạo đức và phương pháp làm việc khoa học cho họ”. Giới khoa học chuyên môn của Việt Nam cũng có những ý kiến tương tự. Lúc sinh thời, cố Giáo sư Ngô Gia Hy đã từng nói “Nghiên cứu khoa học là phương pháp giáo dục hoàn thiện nhất. Nó đòi hỏi: tự học, chủ động, tự đào tạo. Nó phát triển bốn mặt chiến lược của dạy và học: Mặt kiến thức để đi tìm đến sự thật; Mặt kỹ năng để đi đến sáng tạo; Mặt thái độ để đi đến say mê; Mặt nhân cách để thành con người có đạo đức”. Theo giáo sư Hoàng Tụy, các trường đại học, cao đẳng phải coi trọng đầu óc, phong cách và kỹ năng nghiên cứu khoa học hơn bao giờ hết, trước mắt là tăng cường nhiều hoạt động xêmina và làm việc theo nhóm. Tiến sĩ Võ Xuân Đàn, Trường Đại học Sư phạm TP.HCM nhấn mạnh: các trường hãy coi nghiên cứu khoa học như một phương pháp đào tạo, có như thế, sinh viên mới biến quá trình đào tạo thành tự đào tạo. Giáo sư Nguyễn Đức Chính - Đại học Quốc gia Hà Nội cảnh báo: “Nếu các trường đại học chỉ chú tâm đào tạo, không gắn với nghiên cứu khoa học thì giáo dục đại học chỉ dừng lại như là một trường phổ thông cấp 4. Đào tạo mà không có nghiên cứu sẽ đi theo đường mòn, không thể có chất lượng cao, không thể đạt trình độ khu vực và quốc tế. Các nước gắn đào tạo và nghiên cứu khoa học thành một khối thống nhất thường có chất lượng đào tạo cao bởi các thành tựu nghiên cứu mới luôn được đưa vào nội dung đào tạo, chương trình được đổi mới, cập nhật không ngừng”.

Qua quan sát thực tế, chúng tôi cũng nhận thấy rằng, trong quá trình nghiên cứu khoa học, năng lực chủ động phát hiện, phân tích và giải quyết vấn đề của mỗi cá nhân sẽ được nâng cao, sinh viên nhận thức được rõ giá trị của mình, vừa nắm vững kiến thức chuyên ngành hơn, vừa dũng cảm và tự tin hơn khi đối mặt với các vấn đề khó khăn. Tham gia nghiên cứu khoa học sẽ khiến cho tư duy của sinh viên luôn ở trạng thái linh hoạt. Trong quá trình thu thập các dạng tư liệu và thông tin, phân tích và tổng hợp các số liệu thực tiễn, thực nghiệm, sinh viên phải dùng năng lực tư duy logic để liên hệ tất cả thông tin tư liệu lại với nhau để suy nghĩ, đề xuất những vấn đề có ý nghĩa nghiên cứu và giá trị sáng tạo nhất định. Như vậy rõ ràng là nghiên cứu khoa học có lợi vô cùng cho sự phát triển tư duy mang tính sáng tạo.

Nhưng nghiên cứu khoa học trong sinh viên có gì khác biệt so với nghiên cứu khoa học nói chung? Mục tiêu chính của hoạt động này trong sinh viên là gì?

Theo Tiến sĩ Vũ Thế Dũng - Đại học Bách khoa TP.HCM “Ở mức ý nghĩa nghiêm ngặt nhất, nghiên cứu khoa học là công việc đi tìm lời giải thích và thực hiện các dự báo cho các câu hỏi mà khoa học và thực tiễn chưa có đáp án nhằm góp phần gia tăng tri thức nhân loại. Tuy nhiên, khi tiếp cận vấn đề nghiên cứu khoa học trong sinh viên, nên quan tâm đến hoạt động nghiên cứu, thể hiện bởi quá trình phát hiện vấn đề, xây dựng đề cương, xác định phương pháp, tìm kiếm tài liệu, thu thập thông tin, thí nghiệm, quan sát, phân tích số liệu, thử nghiệm kết quả, viết và trình bày báo cáo ... chứ không đặt nặng vào kết quả như đối với các nhà nghiên cứu chuyên nghiệp”. Chúng tôi thống nhất với ý

kiến này và đã đề xuất một mô hình nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động nghiên cứu khoa học, của sinh viên trong các trường đại học.

### 3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động NCKH và năng lực sáng tạo của sinh viên

Dựa trên cơ sở lý thuyết và qua trao đổi, phỏng vấn trực tiếp với một số thầy cô hoạt động trong lĩnh vực giáo dục đại học, chúng tôi đưa ra 4 giả thiết về các yếu tố ảnh hưởng và mối tương quan giữa chúng với hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các trường đại học như sau

H1: Có mối tương quan cùng chiều giữa cơ sở vật chất kỹ thuật của nhà trường đến nghiên cứu khoa học trong sinh viên

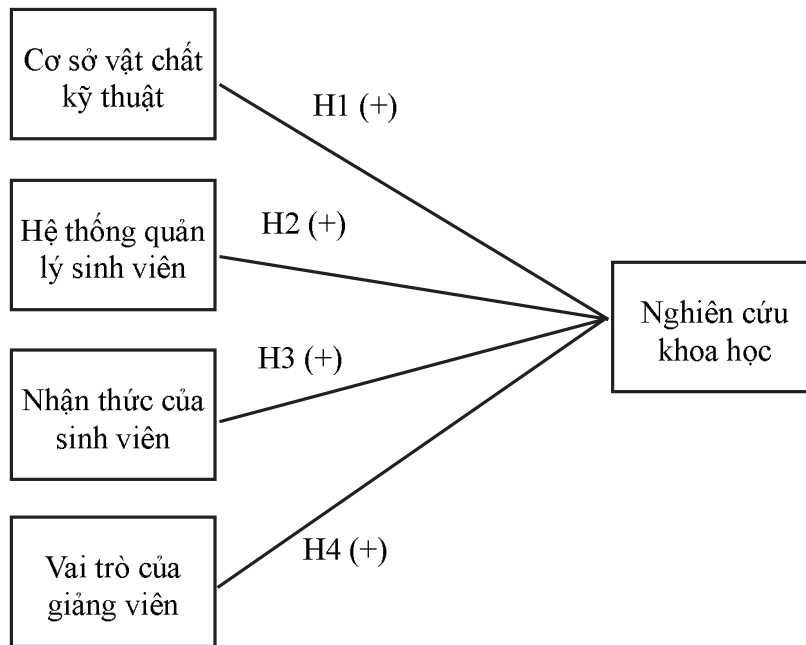
H2: Có mối tương quan cùng chiều giữa hệ thống quản lý sinh viên với nghiên cứu khoa học trong sinh viên

H3: Có mối tương quan tích cực giữa nhận thức của sinh viên với nghiên cứu khoa học trong sinh viên.

H4: Có mối tương quan tích cực giữa vai trò của giảng viên với NCKH trong sinh viên và thái độ tích cực tham gia lớp học.

Đối tượng khảo sát là 902 sinh viên năm 2,3,4,5 của 22 trường đại học lớn tại Thành phố Hồ Chí Minh, được chọn theo phương pháp thuận tiện. Một bản câu hỏi gồm 25 mục đã được sử dụng, trong đó sinh viên được yêu cầu đánh giá về cơ sở vật chất, quy mô lớp học, đội ngũ giảng viên, hệ thống quản lý nghiên cứu khoa học và nhận thức của họ về việc sinh viên nghiên cứu khoa học, qua đó tìm hiểu tác động của các yếu tố này lên việc sinh viên có tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học một cách tích cực không.

**Hình 1: Mô hình nghiên cứu về quan hệ giữa các yếu tố ảnh hưởng với nghiên cứu khoa học trong sinh viên**



Kết quả phân tích thống kê cho thấy, có sự khác biệt khi đánh giá về hệ thống cơ sở vật chất, về giảng viên, về hệ thống quản lý nghiên cứu khoa học trong nhà trường, cũng như có khác biệt trong nhận thức về nghiên cứu khoa học giữa hai nhóm sinh viên: có nghiên cứu hoặc tham gia các cuộc thi học thuật do nhà trường tổ chức (gọi tắt là tham gia nghiên cứu) và không tham gia bất cứ hoạt động nghiên cứu nào.

Kết quả phân tích hồi quy cũng cho thấy nhận thức của sinh viên về nghiên cứu khoa học, phương tiện hỗ trợ học tập và nghiên cứu cũng như hệ thống quản lý nghiên cứu khoa học ảnh hưởng có ý nghĩa đến việc sinh viên có hứng thú tham gia nghiên cứu hay các cuộc thi học thuật hay không. Tuy nhiên, mô hình logic lại cho thấy tác phong khoa học, kiến thức chuyên môn của giảng

viên thì ảnh hưởng không mạnh bằng, trong khi nhóm nghiên cứu đã kỳ vọng nhiều hơn vào mối tương quan này. Nhóm đặt ra hai giả thiết: một là các mẫu được chọn không thật sự là mẫu đại diện, hai là khả năng độc lập trong học tập của sinh viên cao hơn hoặc sinh viên không nhận thức được là yếu tố này có ảnh hưởng đến quyết định nghiên cứu khoa học của mình. Một số chuyên gia nhận định, nghiên cứu khoa học trong sinh viên chịu ảnh hưởng bởi tổ chức đoàn thể trong nhà trường hơn là chịu ảnh hưởng từ phía giảng viên. Tuy nhiên, theo chúng tôi, nhận định này cần được kiểm chứng lại.

#### **4. Các giải pháp đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên**

Dựa trên kết quả nghiên cứu thực nghiệm đã trình bày ở trên, chúng tôi xin đề xuất một số giải pháp liên quan đến các yếu tố được

xác định là có tác động rõ rệt tới hoạt động nghiên cứu khoa học, từ đó ảnh hưởng tích cực tới năng lực sáng tạo và tính tích cực, chủ động trong học tập của sinh viên.

*Giải pháp 1: Khơi dậy sự đam mê nghiên cứu khoa học trong sinh viên*

Theo kết quả nghiên cứu, còn nhiều sinh viên chưa thấy hết tầm quan trọng và ích lợi của nghiên cứu khoa học. Bên cạnh đó, sinh viên có thể nản lòng vì tham gia nghiên cứu rồi nhưng tính thụ động vẫn chưa được cải thiện đáng kể, khả năng ứng dụng của các đề tài còn hạn chế, từ đó nghĩ rằng nghiên cứu khoa học trong thời sinh viên là vô ích và vô bổ. Từ thực tiễn đó, chúng tôi cho rằng không chỉ cần bồi dưỡng năng lực nghiên cứu mà còn phải bồi dưỡng ý thức nghiên cứu cho sinh viên, để họ hiểu đó không phải là cái gì xa vời hay quá sức mà nằm ngay trong hoạt động đào tạo của trường. Từ những việc nhỏ như tự tìm đọc tài liệu, các công trình nghiên cứu trên các tạp chí khoa học, trao đổi với nhau (và với giảng viên) ở các diễn đàn chính thức và không chính thức... đến việc thực hiện các đề án môn học, luận văn tốt nghiệp. Việc sinh viên biết vận dụng và thực hiện hoàn chỉnh một qui trình nghiên cứu khoa học, thấy được những trở ngại, khó khăn và xử lý các khó khăn trở ngại đó ... đã giúp cho họ học hỏi được rất nhiều, trưởng thành hơn, và đó chính là những ý nghĩa tích cực của nghiên cứu khoa học.

Cần khuyến khích giảng viên phụ trách môn học tổ chức các cuộc thi nhỏ trong lớp, hướng dẫn sinh viên thực hiện các đề án môn học mang tính nghiên cứu, tăng cường thảo luận trên lớp... ngay từ hai năm đầu của đại học. Sinh viên cần được làm quen với các

cuộc thi học thuật, thi nghiên cứu ở cấp khoa, cấp trường để áp dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tế. Qua những cuộc thi đó, có thể phát hiện những sinh viên có tư chất nghiên cứu nổi trội, từ đó có hướng đào tạo bồi dưỡng đặc biệt.

Thực tế còn cho thấy hầu hết sinh viên đều loay hoay không biết bắt đầu từ đâu, làm gì, muốn đạt tới kết quả nào, ai sẽ là người sử dụng do chưa được trang bị tốt phương pháp nghiên cứu khoa học. Vì vậy rất cần đưa môn phương pháp nghiên cứu vào chương trình học và bổ sung một số chuyên đề tự chọn như phương pháp luận sáng tạo, phát triển trí tưởng tượng, tâm lý học sáng tạo, lý thuyết hệ thống... Bên cạnh đó, nên mở thêm những lớp bồi dưỡng theo chuyên đề, từ đơn giản đến phức tạp, từ cơ bản đến chuyên sâu. Ví dụ như bắt đầu bằng việc hướng dẫn xây dựng đề cương, xác định mục tiêu, lập kế hoạch thực hiện, tham khảo tài liệu và trích dẫn khoa học, theo dõi kết quả và đối chiếu với mục tiêu, cách viết báo cáo ... cho tới việc giới thiệu, cho thực hành những phương pháp xử lý và phân tích dữ liệu mới và hiện đại nhất.

Phát triển các nhóm nghiên cứu theo dự án cũng là một hướng rất tốt nhằm tăng cường tính liên kết trong nghiên cứu giữa giảng viên với giảng viên, giữa giảng viên với sinh viên. Nếu được chọn vào nhóm, sinh viên sẽ học hỏi được rất nhiều, sẽ tiến bộ rất nhanh, có được một khoản thu nhập và kiêu hãnh vì được là “đồng nghiệp” của thầy. Thực ra mô hình này cũng đã khá phổ biến trong các trường khối kỹ thuật như Xây dựng, Kiến trúc, Bách khoa và hoàn toàn có thể áp dụng được ở các Trường thuộc khối

kinh tế hay xã hội nhân văn.

Tổ chức các hội thảo chuyên môn mini hàng tuần hay hàng tháng mở rộng cho mọi thành phần (giảng viên, sinh viên, những người quan tâm) với nội dung là báo cáo các hướng nghiên cứu, kết quả nghiên cứu, dự án nghiên cứu, hay trao đổi bình luận các bài báo khoa học mà báo cáo viên có thể là bất cứ ai. Các hội thảo này đóng vai trò rất quan trọng trong việc hình thành các môi trường giao lưu nghiên cứu, trao đổi chuyên môn. Đây cũng là cơ hội cho sinh viên tích lũy kinh nghiệm và phương pháp nghiên cứu từ những người đi trước, cũng như tham gia vào các dự án nghiên cứu do giảng viên thực hiện. Khoa Quản lý công nghiệp (Đại học Bách Khoa TP.HCM) đã áp dụng rất tốt hình thức này.

Tạo sự kết nối giữa NCKH của sinh viên với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cần ứng dụng kết quả nghiên cứu. Nhà trường cần có Trung tâm giới thiệu ý tưởng, làm cầu nối giữa sinh viên với thực tế, có cơ chế bảo vệ sở hữu trí tuệ và quảng bá những công trình giá trị do sinh viên làm ra. Trong vấn đề này, vai trò của Hội Cựu sinh viên của trường là rất quan trọng. Những sinh viên thành đạt có thể gợi ý hướng nghiên cứu, đặt hàng cho trường, tham gia nói chuyện, nhận đỡ đầu sinh viên, tạo điều kiện cho sinh viên đến thực tập hoặc triển khai ý tưởng nghiên cứu tại đơn vị mình.

*Giải pháp 2: Củng cố hệ thống quản lý NCKH*

Hệ thống quản lý NCKH trong trường được thể hiện qua ba yếu tố: khả năng tiếp cận thông tin liên quan đến nghiên cứu khoa học; các thủ tục liên quan đến đăng ký và

nghiệm thu đề tài; kinh phí dành cho nghiên cứu khoa học.

Theo kết quả khảo sát, nhiều sinh viên không mặn mà với việc nghiên cứu là do không tiếp cận được các thông tin cần thiết, do thấy các thủ tục liên quan đến đăng ký và nghiệm thu đề tài rườm rà, phức tạp, hoặc do thấy kinh phí làm nghiên cứu quá nghèo nàn. Vì vậy, nhà trường cần phổ biến công khai và kịp thời các thông tin như thông báo cuộc thi, phát động phong trào, thể lệ và điều kiện tham gia, quyền lợi và nghĩa vụ, thời hạn đăng ký... một cách đồng loạt qua nhiều kênh: cán bộ lớp, trợ lý khoa, giảng viên chủ nhiệm, giảng viên bộ môn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên. Các bản hướng dẫn về thủ tục đăng ký và nghiệm thu, các biểu bảng thanh toán, những điểm cần lưu ý cần được soạn thảo kỹ và sẵn sàng cung cấp cho tất cả những ai có nhu cầu, bố trí nhân viên trực để giải đáp thắc mắc.

Nhà trường cũng có thể trích một phần ngân sách để hỗ trợ thêm cho các sinh viên đăng ký nghiên cứu khoa học ngoài chế độ tài chính do Nhà nước quy định. Cũng có những sinh viên chấp nhận tốn kém để thỏa mong muốn khám phá, để có được một công trình là dấu ấn ban đầu trong thời sinh viên. Tuy nhiên, nếu không được hỗ trợ kịp thời thì những hạt nhân đáng quý này không thể đủ sức theo đuổi con đường mà họ đã chọn.

*Giải pháp 3: Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên*

Với vai trò là người trực tiếp làm việc với sinh viên, giảng viên có ảnh hưởng rất lớn đến tính tích cực, chủ động, sáng tạo của sinh viên bằng chính tác phong khoa học, sự uyên bác và sức sáng tạo của mình. Giảng

viên tham gia nghiên cứu khoa học sẽ hiểu rõ chân giá trị của nghiên cứu, từ đó tác động tới nhận thức của sinh viên thông qua các bài giảng và các giao tiếp ngoài giảng đường. Người làm khoa học chắc chắn sẽ có một tinh thần và phong cách làm việc nghiêm túc, gương mẫu, chuyên nghiệp và sẽ trở thành những tấm gương tốt cho sinh viên noi theo. Nhờ nghiên cứu khoa học mà chất lượng bài giảng của giảng viên được nâng cao do phong phú hơn về chất liệu cuộc sống, giờ học trở nên hấp dẫn hơn và truyền được cảm hứng cho sinh viên. Từ đó hình thành nên tư duy độc lập, phê phán, sáng tạo và tác phong tích cực, chủ động trong sinh viên.

Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu thực nghiệm của chúng tôi cũng cho thấy còn nhiều rào cản trong hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên. Hai giải pháp 1 và 2 đã nêu trên để “cởi trói” cho hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên thì cũng sẽ góp phần đẩy mạnh nghiên cứu khoa học của giảng viên. Tuy nhiên còn một vấn đề nữa là chưa có chính sách rõ ràng về quyền lợi vật chất. Số lượng sinh viên và số trường đại học liên tục tăng khiến cho nguồn cung về lao động giảng dạy trên thị trường trở nên khan hiếm và “có giá”. Do đó, vì mưu sinh, hầu hết giảng viên thích đi dạy hay sử dụng chất xám, kinh nghiệm đi “làm thuê” cho nơi khác hơn là đầu tư cho các đề tài, dự án khoa học. Muốn giải quyết vấn đề này, các Trường cần nghiên cứu một cơ chế riêng cho phép giảng viên có thể yên tâm nghiên cứu mà không bị ám ảnh bởi “cơm áo gạo tiền”. Ví dụ, cho nghỉ dạy để làm nghiên cứu mà vẫn được hưởng lương, có chính sách khen thưởng xứng đáng nếu có công trình nghiên cứu được đánh giá cao hay có bài đăng trên

tạp chí nước ngoài, ưu tiên cho đi tu nghiệp hay làm việc ngắn hạn ở nước ngoài.

Hoạt động nghiên cứu khoa học cũng rất cần một môi trường hàn lâm tích cực. Đó là một môi trường trong đó mọi hoạt động chuyên môn, nghiên cứu hay giảng dạy đều có hàm lượng khoa học cao. Mọi người đều được khuyến khích làm việc với tinh thần khoa học, phản biện thẳng thắn, cởi mở, không e dè nể nang. Trong môi trường học thuật không có hiện tượng hành chính hóa, thứ bậc quá nhiều, quá xem nặng tôn ti trật tự hay sống lâu lên lão làng..., bởi những thứ này sẽ giết chết sự sáng tạo.

#### **Tài liệu tham khảo:**

1. Dương Ngọc Dũng (2002) *Tư duy sáng tạo và phê phán trong giáo dục Mỹ*. Tuổi Trẻ Chủ nhật - Số 33
2. E.C. Martins, F. T. (2003). *Building organisational culture that stimulates creativity and innovation*, European Journal of Innovation Management 6 (1): 64-74.
3. Fu Guang Yu (2009), *Phân tích vấn đề sinh viên thiếu trung thực trong nghiên cứu khoa học*, tạp chí khoa học, Học viện kỹ thuật An Huy, kỳ 1, quyển 3 (Hồ Thị Trinh Anh dịch)
4. Little, A. D. (2008). “*Reviewing innovation effort: Innovation culture.*” Strategic direction 24(10): 32-34.
5. Markku Markkula and Pia Lappalainen (2008), *New openings in University - Industry Cooperation- The Innovation University as the Forrunner of European of University Reform*, SEFI Annual Conference, Aalborg Denmark

6. Pat Burke Guild (2001), *Diversity, culture and learning style*, New Horizon for learning Institution October

7. *Tuyên ngôn Quốc tế về GDDH* Thông tin Giáo dục quốc tế số 6-2008

8. Wang Jing (2007) *Bàn về vấn đề bồi dưỡng năng lực nghiên cứu và học tập của sinh viên đại học* Tạp chí Giáo Dục tỉnh Hắc Long Giang Kỳ 9 - (Hồ Thị Trinh Anh dịch)

**Websites**

<http://chungta.com>

<http://wilson.cesti.gov.vn/HWWMDS/detail.nsp>

<http://www.oisp.hcmut.edu.vn>

<http://Viet-studies>

<http://www.laodong.com.vn>

<http://www.giaoduc.edu.com>

<http://vietbao.vn>